

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2023/KDTM-PT

Ngày 26-7-2023

V/v Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán
phát sinh từ hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Các Thẩm phán: Ông Lưu Văn Tỉnh

Bà Bùi Thị Thuý Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Khánh Sơn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Đỗ Văn Tú
- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2023/TLPT-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXPT-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL; địa chỉ trụ sở: Số 122c đường HL, phường HL, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; địa chỉ liên hệ: Số 22 Chợ Hàng, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Mạnh Điệp – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Văn bản ủy quyền số 08/GUQ-TL ngày 28/5/2020); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Bá Châu – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV CMA, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Đào tạo và KCT; địa chỉ trụ sở: Thôn 5, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Hà Duy Tỉnh – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH Đào tạo và KCT; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà; địa chỉ: Tổ 8, cụm 2, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (theo Văn bản ủy quyền ngày 05/6/2023); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hà T và Lê T; nơi cư trú: Số 9/274 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà T và Lê T: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà; địa chỉ: Tổ 8, cụm 2, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (theo Văn bản ủy quyền ngày 05/6/2023); có mặt.

+ Công ty Cổ phần Đầu tư CL; địa chỉ trụ sở: Km9 đường 5 cũ, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn- Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL; bị đơn - Công ty TNHH Đào tạo và KCT và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà T và Lê T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2020, các văn bản ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL (sau đây viết tắt là Công ty TL) trình bày:

Từ tháng 3 năm 2008 đến tháng 12 năm 2010, Công ty TL và Công ty Cổ phần chế tạo thiết bị và lắp máy Cừ Long nay là Công ty TNHH Đào tạo và KCT (sau đây viết tắt là Công ty Kết cấu thép) đã ký các hợp đồng nguyên tắc số 03-08/HĐNT ngày 19/3/2008; số 01-09/HĐNT ngày 06/01/2009 và số 02-10/HĐNT ngày 25/12/2010 có nội dung Công ty TL thi công xây dựng các công trình của Công ty Kết cấu thép tại thôn 5, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng trong các năm 2008, 2009 và 2010. Sau đó Công ty TL đã thi công các hạng

mục theo đúng hợp đồng đã ký đảm bảo tiến độ, chất lượng; được nghiệm thu theo từng hạng mục, từng phần việc và đã được bàn giao cho Chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Sau khi Công ty TL lập 04 bản quyết toán các hạng mục mà Công ty TL đã thi công xây dựng cho Công ty Kết cấu thép thì Chủ đầu tư là Công ty Kết cấu thép và Nhà thầu xây dựng là Công ty TL đã thống nhất giảm trừ 3% giá trị; sau giảm trừ, giá trị quyết toán làm căn cứ thanh toán của Chủ đầu tư cho Nhà thầu xây dựng là 14.814.265.016 đồng. Các bản quyết toán này đã được ông Hà Duy Tỉnh là người đại diện theo pháp luật của Công ty Kết cấu thép ký tên, đóng dấu, xác định giá trị thi công vào ngày 24/6/2011. Đến ngày 08/7/2011, hai bên ký kết Biên bản đối chiếu công nợ có nội dung thể hiện giá trị quyết toán được duyệt là 14.814.265.016 đồng; giá trị đã tạm ứng đến ngày 22/5/2010 là 5.917.070.000 đồng; giá trị còn nợ là 8.897.195.016 đồng. Từ khi đối chiếu công nợ, đến ngày 05/6/2017, Công ty Kết cấu thép đã thanh toán cho Công ty TL số tiền 3.365.000.000 đồng, số tiền còn thiếu là 5.532.195.016 đồng hiện chưa được thanh toán. Nay, Công ty TL đề nghị Tòa án buộc Công ty Kết cấu thép phải thanh toán cho Công ty TL số tiền nợ gốc là 5.532.195.016 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 09/7/2011 đến ngày 08/02/2023 là 7.659.881.000 đồng (lãi suất nguyên đơn yêu cầu được tính theo tham chiếu về mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước quy định); tổng cộng là 13.192.076.016 đồng; không yêu cầu trả lãi từ ngày 09/02/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Thời điểm cuối cùng Công ty Kết cấu thép thanh toán tiền gốc cho Công ty TL là ngày 05/6/2017, từ đó đến nay Công ty TL không có văn bản yêu cầu Công ty Kết cấu thép trả nợ. Việc Công ty Kết cấu thép không chấp nhận số nợ trên với lý do Công ty TL không cung cấp được các giấy tờ xuất xứ vật liệu, giá vật tư; biên bản nghiệm thu số lượng, chất lượng trong quá trình thi công; biên bản hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công... là không có căn cứ. Bởi lẽ, Công ty TL đã bàn giao các tài liệu, hồ sơ đó cho Chủ đầu tư trước thời điểm các bên lập quyết toán. Đối với một số hạng mục Công ty Kết cấu thép cho rằng thuộc hạng mục khác hoặc không được nêu trong Hợp đồng đã lập giữa các bên, Công ty TL xác định đường cống D400, D600, D800 thuộc hợp đồng số 01-09/HĐNT; còn lại là các hạng mục phát sinh trong quá trình thi công nên sau khi được sự đồng ý của Chủ đầu tư, Công ty TL đã tiến hành thi công và được thừa nhận trong quyết toán. Việc Công ty Kết cấu thép trình bày do chất lượng công trình không đảm bảo nên năm 2014, Công ty TL đã đồng ý giảm trừ giá trị thanh toán cho Công ty Kết cấu thép là không đúng. Vào thời gian đó, Công ty TL có thỏa thuận yêu cầu Công ty Kết cấu thép hoàn trả 4.000.000.000 đồng trong thời gian 06 tháng để thu hồi nợ; việc thỏa thuận nêu trên không được lập thành văn bản và nay Công ty TL không đồng ý với thỏa thuận nêu trên. Đối với việc Công ty Kết cấu thép bị thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp, Công ty TL đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Công ty TL sẽ có trách

nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với khoản nợ trên theo quy định của pháp luật.

Công ty TL không đồng ý với việc Công ty Kết cấu thép đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án. Công ty TL không có ý kiến gì về việc Công ty Kết cấu thép trưng cầu giám định, được Tòa án thông báo về việc giám định nhưng Công ty TL không tham gia vì công trình đã được xây dựng và đưa vào sử dụng từ lâu, hai bên đã có quyết toán và đối chiếu công nợ nên việc thẩm định giá là không cần thiết. Kết quả định giá công trình Công ty TL không có ý kiến, không chấp nhận lấy đó làm căn cứ giải quyết. Đề nghị giải quyết theo số tiền các bên đã quyết toán là 14.814.265.016 đồng.

Trong đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, tại các văn bản ý kiến và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty TNHH Đào tạo và KCT trình bày:

Công ty Kết cấu thép và Công ty TL ký các hợp đồng nguyên tắc có nội dung như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Các hợp đồng nguyên tắc này do những người đại diện theo pháp luật của các bên tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi ký kết các hợp đồng nguyên tắc này, Công ty TL đã thực hiện việc thi công các hạng mục theo hợp đồng nhưng khối lượng thi công không đúng, chất lượng thi công không đảm bảo theo hồ sơ quyết toán; có những phần việc chưa hoàn thành nhưng đã được đưa vào quyết toán. Công ty TL đã thực hiện quyết toán khi chưa đủ các hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật như không có các giấy tờ xuất xứ vật liệu, giá vật tư; biên bản nghiệm thu số lượng, chất lượng trong quá trình thi công; biên bản hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công.

Căn cứ vào quyết toán do nguyên đơn lập, ngày 24/6/2011, Công ty Kết cấu thép đã ký xác nhận giá trị xây dựng là 14.814.265.016 đồng (đã giảm trừ 3% giá trị) bao gồm 04 bản quyết toán mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án. Đến ngày 08/7/2011, hai bên đã ký Biên bản đối chiếu công nợ có nội dung như đại diện nguyên đơn đã trình bày. Việc Công ty Kết cấu thép ký các bản quyết toán, Biên bản đối chiếu công nợ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và xác định ông Lê Thanh Thủy là người của Công ty đã kí vào biên bản đối chiếu công nợ. Tuy nhiên, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/7/2011 không phải là căn cứ để buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn vì các quyền quyết toán và Biên bản đối chiếu công nợ chỉ xác định giá trị tạm tính, chốt đến ngày ký quyết toán, ký biên bản đối chiếu. Năm 2014, giữa hai Công ty thống nhất thỏa thuận miệng sau khi trừ đi số tiền bị đơn đã tạm ứng vào tổng số tiền 14.814.265.016 đồng thì bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn hơn 8 tỷ đồng. Các bên tiếp tục thống nhất thỏa thuận miệng số tiền còn lại bị đơn chỉ phải thanh toán hơn 4 tỷ đồng là tất toán công nợ. Việc thỏa thuận có mặt của kế toán trưởng Công ty chứng kiến, nhưng do hiện nay Công

ty không còn hoạt động, người làm thuê đã nghỉ việc từ lâu nên không liên hệ đến Tòa án để trình bày được. Sau đó bị đơn thực hiện trả nợ theo thỏa thuận này và đã trả được 3.365.000.000 đồng; ngày trả cuối cùng là ngày 05/6/2017. Từ đó cho đến trước thời điểm nguyên đơn khởi kiện, các bên không làm việc với nhau về số tiền nợ, nguyên đơn cũng không đòi nợ. Như vậy, theo thỏa thuận trả nợ thì bị đơn còn thiếu của nguyên đơn hơn 1 tỷ đồng cả thuế. Đến nay, đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả định giá của Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và Giám định xây dựng Sao Việt xác định giá trị thực của công trình là 9.390.047.828 đồng để giải quyết chứ không chấp nhận giá trị hai bên đã chốt là 14.814.265.016 đồng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tổng số tiền bị đơn đã thanh toán là 9.282.070.000 đồng nên bị đơn chỉ còn phải trả 108.977.828 đồng.

Đối với khoản tiền lãi nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 05/6/2017 cho đến ngày nguyên đơn khởi kiện là ngày 28/5/2020 đã hết thời hiệu 02 năm theo luật Thương mại nên bị đơn không chấp nhận trả, đề nghị Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu để đình chỉ về yêu cầu lãi của nguyên đơn. Tuy nhiên, do nguyên đơn vi phạm về chất lượng công trình nên bị đơn không chấp nhận trả nốt số tiền còn lại. Nay Công ty TL khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc, lãi, Công ty Kết cấu thép không chấp nhận trả nợ theo yêu cầu khởi kiện do Công ty TL không cung cấp được giấy tờ xuất xứ vật liệu, giá vật tư; biên bản nghiệm thu số lượng, chất lượng trong quá trình thi công; biên bản hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công... Ngoài ra Công ty TL còn quyết toán một số hạng mục không có trong hợp đồng hoặc có trong hợp đồng khác.

Công ty Kết cấu thép hiện nay không còn hoạt động nên đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tuy nhiên bị đơn chưa làm thủ tục giải thể. Quá trình giải quyết, bị đơn có yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn phải thanh toán các khoản như sau: Yêu cầu nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng, hợp đồng nguyên tắc số 03-08/HĐNT ký ngày 19/3/2008, số 01/09/HĐNT ký ngày 06/01/2009, số 02-10/HĐNT ký ngày 25/02/2010, xem xét thực tế hiện trường và số liệu ghi trong hợp đồng cùng bản quyết toán công nợ và giải quyết bồi thường thiệt hại từ các hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng xây dựng đã ký mà bên nguyên đơn chưa hoàn thành để đối trừ các khoản tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán theo các hợp đồng trên với tổng số tiền là 5.882.390.335 đồng.

Trong đơn yêu cầu độc lập, tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Duy Tỉnh, bà Lê Thị Toán và người đại diện theo uỷ quyền thống nhất trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của đại diện bị đơn. Trong các ngày 10/01/2021, 06/8/2022 và 02/11/2022, ông Hà T và Lê T có đơn yêu cầu độc lập có nội dung như đơn yêu cầu phản tố của bị đơn. Đề nghị Tòa án căn cứ kết quả định

giá của Công ty Sao Việt xác định giá trị thực của công trình là 9.390.047.828 đồng để giải quyết vụ án và đề nghị áp dụng quy định về thời hiệu để đình chỉ đối với yêu cầu lãi của nguyên đơn

Ngoài ra ông Tỉnh, bà Toán đề nghị Toà án buộc nguyên đơn thanh toán cho ông bà tổng số tiền là 13.624.080.485 đồng, trong đó: Tiền sửa chữa công trình trong quá trình sử dụng là 550.000.000 đồng; phải xây dựng hoàn thiện công trình theo các hợp đồng và bồi thường các khoản do công trình làm không đúng, không đủ gây ra là 11.483.480.485 đồng; bồi thường do sự bất tiện của việc giám định ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình trong thời gian giám định là 300.000.000 đồng; bồi thường tổn thất tinh thần là 45.000.000 đồng; tiền chi phí giám định là 345.600.000 đồng; yêu cầu nguyên đơn xuất hoá đơn GTGT đối với số tiền Công ty Kết cấu thép đã thanh toán. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Tỉnh, bà Toán rút các yêu cầu sau đây: Chi phí xây dựng hoàn thiện công trình theo các hợp đồng và bồi thường các khoản do công trình làm không đúng, không đủ gây ra là 11.483.480.485 đồng; bồi thường do sự bất tiện của việc giám định ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình trong thời gian giám định là 300.000.000 đồng; bồi thường tổn thất tinh thần là 45.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết lại vụ án, Tòa án đã tiến hành trưng cầu Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Giám định xây dựng Sao Việt thực hiện việc giám định, định giá những nội dung đã được bản án phúc thẩm số 23/2021/KDTM-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng chỉ ra. Kết quả giám định thể hiện như sau: Về tình trạng pháp lý của hồ sơ: Cơ sở pháp lý để thực hiện thanh toán là chưa đảm bảo theo điều kiện của hợp đồng và theo pháp luật hiện hành về hợp đồng xây dựng. Đặc biệt là vấn đề nghiệm thu khối lượng, chất lượng, đơn giá, thời điểm áp giá, mã định mức công việc chưa được thống nhất và cũng chưa thực hiện đầy đủ. Về khối lượng, chất lượng thực hiện tại hiện trường: Khối lượng và chất lượng của rất nhiều các hạng mục công trình không có, ít hơn so với bản vẽ hoàn công và chất lượng không đạt so với bản vẽ hoàn công cũng như không đảm bảo chất lượng an toàn cho công trình, đặc biệt là đối với hạng mục móng Nhà tổ tôn, Nhà phun bi (có bản vẽ giám định, các phụ lục ảnh và bảng xác định khối lượng trong báo cáo giám định). Về đơn giá và giá trị thực hiện của các công việc thực tế: Đơn giá áp dụng để xác định giá trị công trình theo thứ tự ưu tiên: Ưu tiên 1: Ưu tiên áp dụng đơn giá mà hai bên thống nhất, cụ thể: Trên cơ sở giá của Nhà thầu đưa ra trong quyết toán đề xuất, bên chủ đầu tư chấp nhận những đơn giá nào cho là phù hợp thì sẽ lập biên bản thống nhất và Đơn vị giám định sẽ áp dụng đơn giá đó cho Mã dự toán loại hình công việc đó. Ưu tiên 2: Căn cứ theo hợp đồng: Điều 6 - Giá trị hợp đồng của cả 3 hợp đồng quy định Giá hợp đồng được lập theo thời điểm thi công. Vì cả 3 hợp đồng đều không có nhật ký thi công công trình do đó Đơn vị giám định sẽ lấy đơn giá theo thời gian ký hợp đồng, cụ thể: Hợp đồng số 03-08/HĐNT ký ngày 19/03/2008, áp dụng đơn giá theo thông báo giá của Quý 1/2008; Hợp đồng số 01-09/HĐNT ký ngày

06/01/2009, áp dụng đơn giá theo thông báo giá của Quý 4/2008; Hợp đồng số 02-10/HĐNT ký ngày 25/02/2010, áp dụng đơn giá theo thông báo giá của Quý 4/2009. Giá trị giám định công trình được xác định theo “Bảng tổng hợp giám định xác định giá trị hợp đồng” là: 9.390.047.828 đồng. Sở dĩ giá trị giám định công trình thấp hơn so với giá trị của Nhà thầu lập chủ yếu là do khối lượng giám định thấp hơn so với khối lượng của Nhà thầu lập. Đơn vị giám định mới chỉ xác định giá trị trên là con số thể hiện khối lượng, chất lượng thực tế mà chưa phản ánh được những thiệt hại về khối lượng, chất lượng bị sai, bị thiếu hoặc không có. Đặc biệt là một số hạng mục công trình không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật như móng Nhà thờ tôn, móng Nhà phun bi và các hạng mục khác.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30, các điều 147, 227, 184, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 162, 518, 519, 520, 525 của Bộ luật Dân sự 2005; các điều 62, 63, 75, 80, 81, 94 Luật Xây dựng 2003; Điều 319 Luật Thương mại; Điều 207 Luật doanh nghiệp 2020; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc, buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đào tạo và Kết cấu thép Hải Phòng, ông Hà Duy Tĩnh, bà Lê Thị Toán cùng liên đới trả cho Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL số tiền là 108.977.828 đồng.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL về việc buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đào tạo và Kết cấu thép Hải Phòng phải trả lãi suất chậm thanh toán.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đào tạo và Kết cấu thép Hải Phòng về việc buộc Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL phải bồi thường thiệt hại số tiền là 5.882.390.335 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thanh toán tiền chi phí giám định. Buộc Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL có trách nhiệm trả cho ông Hà Duy Tĩnh, bà Lê Thị Toán số tiền 345.600.000 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hà Duy Tĩnh, bà Lê Thị Toán về việc buộc Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL phải thanh toán tiền sửa chữa công trình trong quá trình sử dụng là 550.000.000 đồng; tiền hóa đơn thanh toán tạm ứng tiền xây dựng là 900.000.000 đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chi phí xây dựng hoàn thiện công trình theo các hợp đồng và bồi thường các khoản do công trình làm không đúng, không đủ gây ra là 11.483.480.485 đồng; bồi thường tiền do sự bất tiện của việc giám định ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình trong thời gian giám định là 300.000.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 45.000.000 đồng do ông Hà Duy Tĩnh, bà Lê Thị Toán rút.

7. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL phải nộp 113.423.000 đồng, được trừ vào số tiền 60.345.000 đồng đã nộp nên còn phải nộp 53.078.000 đồng. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đào tạo và Kết cấu thép Hải Phòng, ông Hà Duy Tĩnh, bà Lê Thị Toán phải có trách nhiệm liên đới nộp tổng số tiền 119.331.000 đồng, được trừ vào số tiền 57.956.000 đồng đã nộp nên còn phải nộp số tiền 61.375.000 đồng. Ông Hà Duy Tĩnh, bà Lê Thị Toán phải có trách nhiệm liên đới nộp số tiền là 55.500.000 đồng, được trừ vào số tiền 60.790.000 đồng đã nộp; ông Tĩnh, bà Toán được nhận lại 5.290.000 đồng nhưng giữ lại để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ liên đới nộp án phí số tiền là 61.375.000 đồng còn thiếu của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đào tạo và Kết cấu thép Hải Phòng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Nội dung kháng cáo:

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/4/2023, nguyên đơn là Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 03/2023/KDTM-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Công ty TNHH Đào tạo và KCT thanh toán cho nguyên đơn tổng số là 13.192.076.016 đồng, gồm: Giá trị còn nợ theo các hợp đồng là 5.532.195.016 đồng và lãi suất chậm thanh toán tạm tính từ ngày 09/7/2011 cho đến ngày 08/2/2023 ước tính là 7.659.881.000 đồng.

- Bị đơn là Công ty TNHH Đào tạo và KCT và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Duy Tĩnh, bà Lê Thị Toán kháng cáo về nghĩa vụ chịu án phí đối với khoản tiền hoá đơn GTGT, tiền bồi thường và đề nghị xem xét lại nội dung tuyên Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chi phí xây dựng hoàn thiện công trình theo các hợp đồng và bồi thường các khoản do công trình làm không đúng, không đủ gây ra vì tại phiên tòa sơ thẩm phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn đề nghị phía nguyên đơn phải hoàn thiện công trình theo hợp đồng xây dựng để đảm bảo an toàn sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Toà án nhân dân huyện An Dương đã sai lầm trong việc xem xét, đánh giá, thu thập chứng cứ và áp dụng pháp luật dẫn đến tuyên bản án không đúng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn, cụ thể:

Về khối lượng, chất lượng công trình và giá trị quyết toán: Toà án căn cứ vào kết quả giám định để xác định giá trị công trình là 9.390.047.828 đồng là chưa khách quan. Bởi lẽ, trên thực tế tất cả các hạng mục công trình đã được thi công hoàn thành, được chủ đầu tư chấp thuận và đưa vào sử dụng khai thác ngay sau khi mỗi hạng mục công trình được thi công xong. Các công trình đã được sử dụng và khai thác từ lâu nên việc giám định vào thời điểm hiện tại không còn đúng giá trị thực mà nguyên đơn bàn giao. Sau khi có kết quả giám định, Toà án huyện An Dương không thông báo cho nguyên đơn biết để có ý kiến. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm căn cứ vào bảng quyết toán và đối chiếu công nợ để xác định giá trị công trình là 14.814.265.016 đồng.

Về thời hiệu tính lãi: Toà án sơ thẩm căn cứ Luật Thương mại để cho rằng hết thời hiệu giải quyết là không đúng, vì đây là tranh chấp phát sinh trong hợp đồng xây dựng, các quan hệ pháp luật được thực hiện theo Luật Xây dựng và Bộ luật Dân sự. Luật Xây dựng không quy định về thời hiệu, do đó phải áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự, theo đó thời hiệu khởi kiện là 03 năm.

Tòa án không triệu tập ông Lê Thanh Thủy – người được Công ty Kết cấu thép giao giám sát quá trình thi công, kiểm tra khối lượng, đơn giá và ký xác nhận hồ sơ quyết toán, hồ sơ nghiệm thu và biên bản đối chiếu công nợ đến toà với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đầy đủ.

Vì vậy, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố đề nghị nguyên đơn phải thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận trong hợp đồng, bồi thường thiệt hại số tiền 5.882.390.335 đồng. Theo bị đơn số tiền này bản chất là số tiền chênh lệch giữa giá trị quyết toán của 03 hợp đồng là 15.272.438.163 – 9.390.047.828 đồng là giá trị công trình được Toà án chấp nhận. Việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận giá trị công trình là 9.390.047.828 đồng nhưng bác yêu cầu buộc nguyên đơn phải bồi thường cho bị đơn số tiền 5.882.390.335 đồng và buộc bị đơn phải chịu án phí là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày: Giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại tòa án cấp sơ thẩm, việc tòa án cấp sơ thẩm tuyên

không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Tĩnh, bà Toán đối với tiền hoá đơn thanh toán tạm ứng tiền xây dựng là 900.000.000 đồng và buộc ông bà phải chịu khoản tiền lãi là không đúng. Bởi lẽ, trong đơn yêu cầu độc lập và tại phiên toà sơ thẩm ông bà chỉ yêu cầu Công ty TL xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty Kết cấu Thép đối với số tiền Công ty đã trả và Công ty TL cũng đã đồng ý. Bản thân ông bà là người cao tuổi nên đề nghị Toà án miễn án phí cho ông bà.

Tại phiên toà phúc thẩm ông Tĩnh, bà Toán rút một phần yêu cầu kháng cáo liên quan đến yêu cầu chi phí xây dựng hoàn thiện công trình theo các hợp đồng mà Toà án cấp sơ thẩm đã đình chỉ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận kháng cáo của bị đơn và ông Hà Duy Tĩnh, bà Lê Thị Toán, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đối với kháng cáo của nguyên đơn: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả giám định xác định giá trị công trình là 9.390.047.828 đồng trừ đi số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 9.282.070.000 đồng và buộc bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn 108.977.828 đồng là chưa chính xác. Thực tế bị đơn còn phải thanh toán là 107.977.828 đồng (làm tròn là 107.978.000 đồng).

+ Đối với kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà T và Lê T: Cần chấp nhận một phần kháng cáo đối với yêu cầu buộc nguyên đơn xuất hoá đơn cho bị đơn với số tiền bị đơn đã thanh toán và không buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí đối với số tiền này.

Từ những phân tích trên: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng xây dựng giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Công ty TNHH Đào tạo và KCT có địa chỉ trụ sở tại thôn 5, xã Bắc Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thực hiện kháng cáo trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Đầu tư CL đến phiên toà lần thứ 03 nhưng Công ty Cổ phần Đầu tư CL vắng mặt không có lý do. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên toà với lý do cần thời gian để nghiên cứu hồ sơ, tuy nhiên trước đó phiên toà đã được hoãn theo yêu cầu của các đương sự nhiều lần và theo quy định của pháp luật thì đây không phải lý do để hoãn phiên toà. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

- Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[4] Xét kháng cáo buộc bị đơn phải trả khoản tiền 5.532.195.016 đồng là giá trị còn nợ theo các hợp đồng.

[4.1] Về quan hệ hợp đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận đã cùng nhau ký kết các hợp đồng nguyên tắc số 03-08/HĐNT ngày 19/3/2008; số 01-09/HĐNT ngày 06/01/2009 và số 02-10/HĐNT ngày 25/12/2010 có nội dung Công ty TL thi công xây dựng các công trình của Công ty Kết cấu thép tại thôn 5, xã Bắc Sơn, huyện An Dương trong các năm 2008, 2009, 2010. Như vậy, đây là những việc nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận nên không phải chứng minh.

[4.2] Về quá trình thực hiện hợp đồng và lập hồ sơ quyết toán: Nguyên đơn cho rằng sau khi các công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, ngày 08/7/2011 hai bên ký kết Biên bản đối chiếu công nợ có nội dung thể hiện giá trị quyết toán được duyệt là 14.814.265.016 đồng; giá trị đã tạm ứng đến ngày 22/5/2010 là 5.917.070.000 đồng; giá trị còn nợ là 8.897.195.016 đồng. Đến ngày 05/6/2017, Công ty Kết cấu thép đã thanh toán cho Công ty TL số tiền 3.365.000.000 đồng, còn thiếu là 5.532.195.016 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không chấp nhận số nợ trên vì cho rằng nguyên đơn không cung cấp được các giấy tờ

xuất xứ vật liệu, giá vật tư; biên bản nghiệm thu số lượng, chất lượng trong quá trình thi công; biên bản hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng; bản vẽ hoàn công; chất lượng công trình không đảm bảo và có yêu cầu giám định công trình để giải quyết vụ án. Nội dung này đã được Bản án phúc thẩm số 23 ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nêu rõ và làm căn cứ Hủy Bản án sơ thẩm.

[4.3] Trong quá trình giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có quyết định trưng cầu giám định công trình liên quan đến tranh chấp, Tòa án và Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Giám định xây dựng Sao Việt là đơn vị thực hiện việc giám định đã thông báo cho các bên biết về toàn bộ quy trình thẩm định từ khi lựa chọn tổ chức thẩm định, quá trình thẩm định, kết luận thẩm định. Tại biên bản hòa giải ngày 08/02/2023 nguyên đơn có quan điểm thể hiện “Không có ý kiến gì về việc bị đơn trưng cầu giám định, được Tòa án thông báo về việc giám định nhưng không tham gia được, kết quả định giá như bị đơn trình bày nguyên đơn không có ý kiến, không chấp nhận lấy giá đó làm căn cứ giải quyết”. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về việc giám định, do đó không chấp nhận quan điểm của nguyên đơn về việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa thông báo kết luận giám định để nguyên đơn có ý kiến.

[4.4] Đối với kết luận giám định của Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Giám định xây dựng Sao Việt, xét thấy: Trong quá trình giám định, Công ty Sao Việt đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tuân thủ đầy đủ các quy trình giám định nên kết quả giám định là khách quan và hợp pháp. Việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả giám định để giải quyết vụ án là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận quan điểm của nguyên đơn cho rằng kết luận giám định là chưa khách quan.

[4.5] Trên cơ sở kết luận giám định, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng và làm căn cứ xác định giá trị thực của công trình là 9.390.047.828 đồng để đối trừ tổng số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 9.282.070.000 đồng và quyết định buộc Công ty kết cấu Thép có hai thành viên góp vốn là ông Hà T và Lê T phải có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty TL số tiền 108.977.828 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính bị nhầm lẫn, số tiền thực tế mà Công ty Kết cấu thép còn phải trả cho Công ty TL là: 9.390.047.828 đồng - 9.282.070.000 đồng = 107.977.828 đồng (làm tròn phải là 107.978.000 đồng).

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo buộc bị đơn phải trả lãi suất chậm thanh toán là 7.659.881.000 đồng, Hội đồng xét xử xét: Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là pháp nhân vì mục đích lợi nhuận được điều chỉnh theo Luật Thương mại nên thời hiệu yêu cầu tính lãi là 02 năm theo Điều 319 Luật Thương mại. Tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện đã hết thời hiệu giải quyết khoản tiền lãi và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã

căn cứ Điều 319 Luật Thương mại để đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn mà không áp dụng Luật Xây dựng và Bộ luật Dân sự là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị bổ sung ông Lê Thanh Thủy tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì ông Thủy là người được Công ty Kết cấu thép giao quản lý dự án, giám sát thi công, kiểm tra khối lượng, đơn giá và đã cùng với Giám đốc Công ty Kết cấu thép là ông Hà Duy Tỉnh ký xác nhận hồ sơ quyết toán, nghiệm thu công trình. Xét thấy, chủ thể tham gia ký kết hợp đồng, xác nhận hồ sơ quyết toán, nghiệm thu công trình phải là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền đại diện hợp pháp của Công ty Kết cấu thép; trách nhiệm thanh toán thuộc về Công ty Kết cấu thép. Ông Thủy chỉ là người được Công ty giao giám sát thi công công trình nên việc đưa ông Thủy tham gia tố tụng trong vụ án này không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với ông Thủy. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết bổ sung ông Lê Thanh Thủy tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[7] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Công ty Kết cấu Thép thanh toán cho phía nguyên đơn tổng số tiền 13.192.076.016 đồng, trong đó: Giá trị còn nợ theo các hợp đồng là 5.532.195.016 đồng và lãi suất chậm thanh toán tạm tính đến ngày 09/7/2011 cho đến ngày 08/2/2023 là 7.659.881.000 đồng.

-Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[8] Đối với kháng cáo của bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại số tiền 5.882.390.335 đồng, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chỉ đưa ra lý do số tiền hai bên quyết toán công trình là 15.272.438.163 nhưng theo kết luận giám định thì giá trị công trình chỉ là 9.390.047.828 đồng nên cho rằng số tiền chênh lệch 5.882.390.335 đồng là thiệt hại và yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường. Tuy nhiên, bị đơn khẳng định chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh bị đơn bị thiệt hại. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn là Công ty Kết cấu Thép Hải Phòng, ông Hà Duy Tỉnh, bà Lê Thị Toán phải liên đới nộp án phí sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là có căn cứ.

[9] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã rút các yêu cầu chi phí xây dựng hoàn thiện công trình theo các hợp đồng và bồi thường các khoản do công trình làm không đúng, không đủ gây ra là 11.483.480.485 đồng; bồi thường tiền do sự bất tiện của việc giám định ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình trong thời gian giám định là 300.000.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 45.000.000 đồng là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa

án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút là có căn cứ. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm ông Tỉnh, bà Toán kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét buộc nguyên đơn phải bồi thường cho ông Tỉnh, bà Toán số tiền trên. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Tỉnh, bà Toán đã rút kháng cáo về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với yêu cầu đề nghị thanh toán số tiền 550.000.000 đồng là tiền sửa chữa công trình trong quá trình sử dụng. Toà án cấp sơ thẩm nhận định việc sửa chữa này được thực hiện trong quá trình khai thác, sử dụng tài sản phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty nên không chấp nhận yêu cầu độc lập này là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[11] Về yêu cầu thanh toán tiền hóa đơn khi ông Tỉnh, bà Toán tạm ứng tiền xây dựng là 9.282.070.000 đồng (10% GTGT): Toà án cấp sơ thẩm đã xác định không chính xác yêu cầu độc lập này của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bởi lẽ: Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 02/11/2022; bản tự khai ngày 28/11/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều yêu cầu nguyên đơn xuất hoá đơn đối với số tiền Công ty Kết cấu thép đã thanh toán cho nguyên đơn, mục đích để bị đơn rút về từ cơ quan khác chứ không phải yêu cầu nguyên đơn thanh toán số tiền cụ thể 900.000.000 đồng (10% GTGT). Xét thấy, đây chỉ là yêu cầu liên quan đến thủ tục hoàn thuế, không liên quan đến nghĩa vụ chịu án phí có giá ngạch trong vụ án kinh doanh thương mại, do đó chỉ cần kiến nghị cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền thực hiện truy thu thuế đối với Công ty TL. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo hướng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu này.

[12] Đối với yêu cầu của bị đơn, đề nghị nguyên đơn phải hoàn thiện công trình xây dựng để đảm bảo an toàn sử dụng: Xét thấy, giá trị của hợp đồng xây dựng đã được thể hiện qua kết quả thẩm định giá và tại Bản án sơ thẩm đã đối trừ nghĩa vụ giữa các bên, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn thiếu 108.978.000 đồng và công trình đã được đi vào sử dụng, nguyên đơn đã đề nghị tất toán các khoản hợp đồng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn buộc nguyên đơn phải hoàn thiện công trình xây dựng.

[13] Về chi phí giám định: Trong các hợp đồng nguyên tắc đều quy định nguyên đơn phải thực hiện nghiêm chỉnh các vấn đề về kỹ thuật, chất lượng công trình, chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình. Tuy nhiên, theo kết quả giám định công trình thể hiện khối lượng của rất nhiều hạng mục công trình không có, ít hơn so với bản vẽ hoàn công và chất lượng không đạt so với bản vẽ hoàn công cũng như không đảm bảo chất lượng an toàn cho công trình, đặc biệt là hạng mục móng nhà Tổ tôn, Nhà phun bi. Xét thấy, việc phải giám định công trình

là lỗi của nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 345.600.000 đồng là có căn cứ.

[14] Đối với kháng cáo của ông Hà Duy Tĩnh, bà Lê Toán đề nghị Tòa án miễn án phí do ông bà là người cao tuổi. Xét thấy, mặc dù ông Hà T và Lê T thuộc đối tượng là người cao tuổi nhưng do đây là vụ án kinh doanh thương mại, các cá nhân liên quan đến chủ thể là pháp nhân ký kết hợp đồng vì mục đích lợi nhuận, do đó không chấp nhận yêu cầu miễn án phí của ông Tĩnh, bà Toán.

[15] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2023/LĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[16] Về án phí kinh doanh thương mại:

[16.1] Về án phí sơ thẩm: Do Tòa án cấp sơ thẩm xác định chưa đúng nghĩa vụ chịu án phí và tính toán có sự nhầm lẫn, vì vậy cần sửa phần án phí như sau:

- Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm làm tròn là 113.424.000 đồng (đối với số tiền yêu cầu khởi kiện là 5.424.217.016 đồng không được chấp nhận).

- Công ty TNHH Đào tạo và KCT, ông Hà Duy Tĩnh, bà Lê Thị Toán phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí sơ thẩm làm tròn là 113.990.000 đồng (đối với số tiền yêu cầu phản tố là 5.882.390.335 đồng không được chấp nhận + 107.978.000 đồng phải trả cho nguyên đơn).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hà Duy Tĩnh, bà Lê Thị Toán phải chịu án phí sơ thẩm 26.000.000 đồng (đối với số tiền yêu cầu độc lập là 550.000.000 đồng không được chấp nhận).

[16.2] Về án phí phúc thẩm: Mặc dù kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn không được chấp nhận nhưng do Tòa án cấp sơ thẩm có sự nhầm lẫn về số liệu, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 148, Điều 200, Điều 201, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn các Điều 162, 518, 519, 520, 524 của Bộ luật Dân sự 2005; các điều 62, 63, 75, 80, 81, 94 Luật Xây dựng 2003; Điều 319 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 207 Luật doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn. Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa một phần bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc, buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đào tạo và Kết cấu thép Hải Phòng, ông Hà Duy Tinh, bà Lê Thị Toán cùng liên đới trả cho Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL số tiền làm tròn là 107.978.000đ (một trăm linh bảy triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL về việc buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đào tạo và Kết cấu thép Hải Phòng phải trả lãi suất chậm thanh toán.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đào tạo và Kết cấu thép Hải Phòng về việc buộc Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL phải bồi thường thiệt hại số tiền là 5.882.390.335 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thanh toán tiền chi phí giám định. Buộc Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL có trách nhiệm trả cho ông Hà T và Lê T số tiền 345.600.000đ (ba trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hà Duy Tinh, bà Lê Thị Toán về việc buộc Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL phải thanh toán tiền sửa chữa công trình trong quá trình sử dụng là 550.000.000 đồng;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chi phí xây dựng hoàn thiện công trình theo các hợp đồng và bồi thường các khoản do công trình làm không đúng, không đủ gây ra là 11.483.480.485 đồng; bồi thường tiền do sự bất tiện của việc giám định ảnh hưởng đến việc sử dụng công trình trong thời gian giám định là

300.000.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 45.000.000 đồng do ông Hà Duy Tỉnh, bà Lê Thị Toán rút.

7. Kiến nghị Cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền truy thu thuế đối với Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL liên quan đến số tiền 9.390.047.828 đồng Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đào tạo và Kết cấu thép Hải Phòng thanh toán cho Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL.

8. Về án phí:

8.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL phải chịu 113.424.000đ (một trăm mười ba triệu, bốn trăm hai mươi tư nghìn đồng), được trừ vào số tiền 60.345.000đ (sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0012653 ngày 29/6/2020 nên còn phải nộp 53.079.000đ (năm mươi ba triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đào tạo và Kết cấu thép Hải Phòng, ông Hà Duy Tỉnh, bà Lê Thị Toán phải liên đới chịu tổng số tiền 113.990.000đ (một trăm mười ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền 57.956.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0004405 ngày 13/12/2022 nên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đào tạo và Kết cấu thép Hải Phòng, ông Hà Duy Tỉnh, bà Lê Thị Toán còn phải nộp 56.034.000đ (năm mươi sáu triệu, không trăm ba mươi tư nghìn đồng).

- Ông Hà T và Lê T phải liên đới chịu 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng), được trừ vào số tiền 60.790.000đ (sáu mươi triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0004404 ngày 13/12/2022 nên ông Tỉnh, bà Toán được nhận lại 34.790.000đ (ba mươi tư triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng) nhưng giữ lại để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ liên đới nộp án phí 56.034.000 đồng còn thiếu của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Đào tạo và Kết cấu thép Hải Phòng.

8.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

- Trả lại Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo số biên lai số 0004542 ngày 18/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (Biên lai ghi tên người nộp là Công ty TNHH Đào tạo và KCT) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng TL.

- Trả lại Công ty TNHH Đào tạo và KCT 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo số biên lai số 0004540 ngày 17/5/2023 tại Chi cục Thi hành

án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho Công ty TNHH Đào tạo và KCT.

- Trả lại cho ông Hà Duy Tĩnh, bà Lê Thị Toán số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004539 ngày 17/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho Công ty TNHH Đào tạo và KCT.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Tĩnh-Bùi Thị Thuý Hà

Vũ Thị Thu Hà